|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN PHÚ HÒA  **TRƯỜNG THCS TRẦN HÀO** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN: TOÁN 8 – Thời gian: 90 phút** |

**1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 TOÁN 8 - NĂM HỌC 2023 - 2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Biểu thức đại số** | Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến | 2  (0,5 đ) |  |  |  |  | |  |  |  | **5%** |
| Hằng đẳng thức đáng nhớ | 1  (0,25đ) |  |  |  |  | |  |  | 1  (0,5đ) | **2,5%** |
| Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số | 3  (0,75đ) | 1  (0,5đ) |  | 3  (1,5đ) |  | | 1  (0,5đ) |  | **37,5%** |
| **2** | **Định lí**  **Pythagore** | Định lí Pythagore | 1  (0,25đ) |  |  |  |  | |  |  |  | **2,5%** |
| **3** | **Các loại tứ giác thường gặp** | Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt | 3  (0,75đ) | 1  (1đ) |  | 1  (1,0đ) |  | | 1  (1,0đ) |  |  | **37,5%** |
| **4** | **Một số yếu tố thống kê** | Thu thập và phân loại dữ liệu. Lựa chọn dạng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu. Phân tích dữ liệu | 2  (0,5đ) | 1  (0,5đ) |  | 1  (0,5đ) |  | |  |  |  | **15%** |
| **Tổng số câu:**  **Số điểm:** | | | **12**  **3** | **3**  **2** |  | **5**  **3,0** |  | | **2**  **1,5** |  | **1**  **0,5** | **23**  **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **50%** | | **30%** | | **15%** | | | **5%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **80%** | | | | | **20%** | | | | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 - NĂM HỌC 2023 – 2024**

**MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | | |
| **Biểu thức đại số** | ***Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến*** | Biết nhân, chia các đa thức nhiều biến | C1,3 |  |  |  | | |
| ***Hằng đẳng thức***  ***đáng nhớ, phân tích đa thức thành nhân tử.*** | Nhận biết: được các hằng đẳng thức: bình phương của một tổng, một hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương | C2 |  |  |  | | |
| Thông hiểu:  – Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương. |  | C13b,  14c |  |  | | |
| Vận dụng:  – Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức;  – Vận dụng hằng đẳng thức để tính giá trị của biểu thức. |  |  | C14c | C14/2 | | |
| ***Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số*** | Nhận biết:  – Nhận biết được điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau. | C4,5,6 |  |  |
| Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số. |  | C13a,14b |  | C14/2 | | |
| Vận dụng:  – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số. |  |  |  |
| **Định lí Pythagore** | ***Định lí Pythagore*** | – Nhận biết được tam giác vuông biết độ bài 3 cạnh | C7 |  |  |  | | |
| **Tứ giác** | ***Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt*** | Nhận biết:  – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi  – Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành  – Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình chữ nhật  -Nhận biết được tính chất về góc kề một đáy của hình thang cân.  – Biết được tính chất về hai góc đối của hình bình hành | C8,9,10  C15a |  | C15b |  | | |
| Thông hiểu  – Chứng tỏ tứ giác là hình thoi |  | C15c |  |  | | |
| **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại dữ liệu*** | Nhận biết phương pháp phù hợp với lĩnh vực thu thập dữ liệu. | C12 |  |  |  | | |
| ***Lựa chọn dạng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu*** | Nhận biết được dạng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu cho phù hợp. | C11 |  |  |  | | |
| ***Phân tích dữ liệu*** | – Nhận biết được vấn dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (*pie chart*) | C16a |  |  |  | | |
| Biết tính a% của b | C16b |  |  |  | | |
| **Tổng** | |  | ***15*** | ***7*** | ***6*** | ***1*** |
| **Tỉ lệ %** | | ***100%*** | ***50%*** | ***30%*** | ***15%*** | ***5%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | ***100%*** | ***80%*** | ***20%*** | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT HUYỆN PHÚ HÒA  **TRƯỜNG THCS TRẦN HÀO** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2024 - 2025**  **MÔN TOÁN 8 -** *Thời gian: 90 phút* |

**I. TRẮC NGHIỆM** *(3,0 điểm)*

**Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:**

**Câu 1**. Thực hiện phép nhân ta được kết quả

1. . B. . C.. D. .

**Câu 2.** Trong các đẳng thức dưới đây, đâu là đẳng thức **sai**?

**A.** . **C**. .

**B.** . **D**. .

**Câu 3.**  Thương của phép chia ( 6x5 - 2x3 + 4x2 ) : 2x2 bằng

A. 3x5 - x3 + 2x2.               B. 3x3 – x + 2 .                   C. 3x3 - 2x + 4. D. 3x3 + x + 2.

**Câu 4.** Rút gọn biểu thức  ta được kết quả nào sau đây ?

1. 4(a+b). B. 5(a+b). C. - 5(a+b). D. - 4(a+b).

**Câu 5.**  Điều kiện xác định của phân thức  là

1.  . B. . C. . D. .

**Câu 6.** Phân thức  bằng với phân thức nào sau đây?

1.  . B. . C.  . D.  .

**Câu 7.** Tam giác OMN biết OM = 3cm, ON = 4cm, MN = 5cm. Tam giác OMN là tam giác gì?

1. Vuông. B. Cân. C. Đều. D. Vuông cân.

**Câu 8.** Cho hình bình hành MNPQ có thì số đo góc P bằng bao nhiêu độ?

1. 500 B. 700 C. 900 D. 1300

**Câu 9.**  Hình thang cân EFKH ( EF // HK) có thì số đo góc F là

A. 700 . B. 900 . C. 1000 . D. 1100 .

**Câu 10.** Hình thoi **không**có tính chất nào dưới đây?

A. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường

B. Hai đường chéo là các đường phân giác của các góc của hình thoi

C. Hai đường chéo bằng nhau

D. Hai đường chéo vuông góc với nhau

**Câu 11.** Cho bảng thống kê xếp loại học tập của học sinh lớp 8B như sau :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại học tập | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt |
| Tỉ lệ phần trăm | 70% | 20% | 5% | 5% |

Loại biểu đồ nào là thích hợp để biểu diễn dữ liệu ?

**A.** Biểu đồ tranh. **B.** Biểu đồ hình quạt tròn.

**C.** Biểu đồ đoạn thẳng. **D.** Biểu đồ cột kép.

**Câu 12 (NB).** Phương pháp nào là phù hợp để thu thập dữ liệu về mức độ yêu thích môn Toán của học sinh khối lớp 8?

A. Thu thập từ nguồn có sẵn. B. Tìm kiếm trên Internet  
C. Phỏng vấn, lập phiếu thăm dò khảo sát.. D. Làm bài kiểm tra tại lớp.

**II. TỰ LUẬN *(7,0 điểm).***

**Câu 13. (1 điểm).** Cho phân thức: 

a) Tìm điều kiện xác định của *P*. b) Rút gọn *P*.

***Câu 14. (2 điểm)***

1)Thực hiện các phép tính.

  

2) Cho  và . Tính giá trị biểu thức .

**Câu15. (3,0 điểm)** Cho  vuông tại A (AB < AC). Gọi M là trung điểm BC, kẻ  .

a) Chứng minh tứ giác AEMD là hình chữ nhật.

b) Lấy điểm K đối xứng với M qua D. Chứng minh tứ giác AKDE là hình bình hành.

c) Chứng minh tứ giác AKBM là hình thoi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 16.** *(1,0 điểm)* Biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn kết quả thống kê tỉ lệ phần trăm học sinh khối 8 chọn môn thể thao yêu thích nhất.   1. Môn thể thao nào được học sinh khối 8 yêu thích nhiều nhất và ít nhất? 2. Khối 8 có tổng số 200 học sinh, vậy có bao nhiêu học sinh chọn môn bóng đá? | **17%**  **17%**  **19%**  **47%** |

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

1. **TRẮC NGHIỆM:** *(3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đ/án** | A | D | B | D | B | C | A | A | D | C | B | C |

1. **TỰ LUẬN:** *(7,0điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Đáp án** | **Điểm** |
| *13a* | ĐKXĐ của đa thức P là | *0,5* |
| *13b* |  | *0,5* |
| *14/1a* | **= =** | *0,5* |
| *14/1b* |  | *0,5* |
| *14/1c* |  | *0,25*  *0,25* |
| *14/2* |  | *0,25*  *0,25* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *15* | |  | | --- | |  | | a) Tứ giác AEMD có = 900(      Tứ giác AEMD là hình chữ nhật (vì có ba góc vuông)  b) Vì AEMD là hình chữ nhật nên AE//MD và AE=MD  Mà MD=DK nên AE=DK  Xét tứ giác AEDK có:  AE=DK (cmt)  AE//DK (AE//MD)  Nên tứ giác AEDK là hình bình hành  c)Chỉ ra tứ giác AKBM là hình bình hành  Chỉ ra hình bình hành AKBM là hình thoi | | | | 1. Môn thể thao nào được học sinh khối 8 yêu thích:   + Nhiều nhất: Bóng đá (47%)  + Ít nhất: Bóng chuyền và bóng bàn (17%) | | | | 1. Có 200. 47% = 94 học sinh chọn môn bóng đá. | | |   (Mọi cách giải khác đúng đều được ghi nhận) | *0,25*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,5*  *0,25* |
| *16* | *0,25*  *0,25*  *0,5* |

HIỆU TRƯỞNG TỔ TRƯỞNG

Duyệt

Phan Thị Kim Ly Nguyễn Đình Quý